

TÍNH TÂM THÁNG 08/2023

CHỦ ĐỀ

**HIỆP THÔNG NHỜ BÁC ÁI :
“QUA TÌNH TƯƠNG THÂN TƯƠNG ÁI, THÀNH TÂM
LẮNG NGHE NHAU TRONG CỘNG ĐOÀN VÀ MỌI
NGƯỜI CHÚNG TA GẶP GỠ”.**

Chúng ta đã đi hơn nữa chặng đường của chủ đề “Củng cố sự Hiệp thông” mà Giáo Hội nói chung và Giáo Phận Cần Thơ chúng ta nói riêng. Và trong nhịp sống của Giáo Phận, hôm nay Quý Dì MTG đã chọn chủ đề cho lần tính tâm này là : **Hiệp thông nhờ bác ái : “Qua tình tương thân tương ái, thành tâm lắng nghe nhau trong cộng đoàn và mọi người chúng ta gặp gỡ”.**

Dựa vào chủ đề này, con xin gợi lên 3 ý chính :

I. Bác ái trong Tông Huấn đời thánh hiến.

II. Bác ái qua việc tương thân tương ái.

III. Bác ái qua việc lắng nghe.

Con xin được đi vào ý thứ nhất.

I. BÁC ÁI TRONG TÔNG HUẤN ĐỜI THÁNH HIẾN.

Số 75 trong Tông Huấn có ghi: *“Người đã yêu thương những kẻ thuộc về mình còn ở thế gian và Người yêu thương họ đến cùng. Trong bữa ăn tối, Người đứng dậy [...] và bắt đầu rửa chân cho các môn đệ và lấy khăn thắt lưng mà lau” (Ga 13,1-2.4-5).*

Trong khi rửa chân, Đức Giêsu hé cho thấy Thiên Chúa thương yêu con người đến mức độ nào: nơi Người,

chính Thiên Chúa đã muốn phục vụ loài người. Đồng thời, Người mạc khải ý nghĩa của đời sống Kitô hữu và tất nhiên của đời thánh hiến, đó phải là một đời sống yêu thương trao hiến, một cuộc đời phục vụ cụ thể và quảng đại. Khi muốn theo chân Con Người, Đấng “*đã đến không phải để được phục vụ nhưng để phục vụ*” (Mt 20,28), đời thánh hiến có một lịch sử thật dài, và trong những thời kỳ tốt đẹp nhất của lịch sử này, người ta quen nhận biết đời thánh hiến qua việc “rửa chân” nghĩa là qua việc phục vụ, ưu tiên cho những người nghèo khổ và thiếu thốn nhất. Nếu một bên, đời thánh hiến chiêm ngưỡng mẫu nhiệm cao cả của Ngôi Lời trong lòng Chúa Cha (x.Ga 1,1) thì bên kia, đời thánh hiến cũng theo gót Ngôi Lời trong mẫu nhiệm làm người (x.Ga 1,14), hạ mình để phục vụ loài người. Ngày hôm nay, những người theo Đức Kitô trên con đường các lời khuyên Phúc Âm cũng muốn đi tới nơi Người đã đi và làm điều Người đã làm.

Người không ngừng mời gọi những người nam nữ và đổ Thần Khí xuống trên họ (x.Rm 5,5) và nhờ đó, thông ban cho họ lòng mến - agape - của Thiên Chúa, tức là cách Thiên Chúa yêu mến, và thúc đẩy họ phục vụ người khác trong sự hiến mình khiêm hạ không tính toán ích kỷ.

Việc tìm kiếm vẻ đẹp của Thiên Chúa thúc đẩy người được thánh hiến chăm sóc hình ảnh Thiên Chúa đã bị bóp méo trên bộ mặt anh chị em mình, những bộ mặt hốc hác vì đói khổ, những bộ mặt thất vọng vì những lời hứa hẹn chính trị, những bộ mặt tủi hổ vì thấy văn hoá của mình bị chà đạp, những bộ mặt kinh đảm vì bạo lực mù quáng xảy ra thường ngày, những bộ mặt lo âu của người trẻ, những bộ mặt của những phụ nữ bị xúc phạm và hạ giá, những bộ mặt mệt mỏi

của những người di dân không được ai tiếp nhận, những bộ mặt u buồn của những người có tuổi không có những điều kiện tối thiểu để sống cho ra sống (181). Đời thánh hiến dùng ngôn ngữ của việc làm để nói rằng lòng mến Thiên Chúa là nền tảng và là thuốc kích thích một tình yêu nhưng không và ân cần.

Thời nay, trong số nhiều lãnh vực để thực thi lòng mến, lãnh vực tỏ bày cho thế giới một cách đặc biệt lòng yêu thương “đến cùng” hẳn phải là việc say mê loan báo Chúa Giêsu Kitô cho những ai chưa biết Người, cho những ai đã quên Người, và một cách ưu tiên cho người nghèo.

II. BÁC ÁI QUA VIỆC TƯƠNG THÂN TƯƠNG ÁI.

Bác ái – đó là hai từ chúng ta gặp không nhiều ngoài xã hội nhưng đây là hai từ không thể thiếu trong mỗi cộng đoàn dòng tu nói chung và cộng đoàn dòng tu nữ nói riêng. Vậy bác ái là gì? Nó giúp cho cộng đoàn và mỗi thành viên trong đó thăng tiến như thế nào? Chúng ta cùng khám phá những điều tuyệt vời của bác ái.

1. Bác ái là gì?

Trước hết, cần hiểu bác ái chính là “yêu thương mọi người một cách chân thành, rộng rãi, luôn luôn muốn điều tốt và sẵn sàng làm điều tốt cho người khác”.

Trong đời sống cộng đoàn, có thể hiểu bác ái là yêu thương nhau như Chúa đã nêu gương; yêu thương cách vô vị lợi và sẵn sàng cảm thông, chia sẻ, hi sinh giúp đỡ lẫn nhau để cùng nhau thăng tiến.

2. Biểu hiện của bác ái.

Trong tác phẩm “Đường hy vọng”, Đức Hồng y Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận đã viết: “Tôi không làm việc bác ái được vì tôi không có tiền! Chỉ có tiền mới bác ái sao? Bác ái của nụ cười, bác ái của bắt tay, bác ái của cảm thông, bác ái của thăm viếng, bác ái của cầu nguyện.” (Đường hy vọng – số 741) Đâu phải chỉ có tiền mới làm bác ái được! Trong đời sống cộng đoàn, chúng ta có rất nhiều cơ hội và nhiều cách để thể hiện bác ái.

a. Bác ái trong hành động.

Đời sống hằng ngày của ta trong cộng đoàn diễn ra với rất nhiều những hoạt động, công việc khác nhau: công việc chung theo bốn phận và những công việc riêng. Rất nhiều khi, ta muốn làm công việc này nhưng công việc kia đã chiếm hết thời gian hoặc thời gian để làm còn quá ít. Vì thế ta dễ rơi vào tình trạng dồn một lúc nhiều công việc, dẫn đến mệt mỏi. Khi ấy, ta rất cần sự giúp đỡ từ phía các chị em khác. Do đó, bác ái được thể hiện qua sự giúp đỡ nhau, chia sẻ cho nhau những công việc hằng ngày. Chẳng hạn như: làm thay công tác khi chị em mệt hoặc có việc bận; và có khi, đó chỉ là: quét phụ một căn phòng, lau phụ một cánh cửa, phụ giúp khiêng một vật nặng... hoặc đơn giản chỉ là mời nhau một ly nước. Những công việc bác ái tưởng chừng như nhỏ nhặt vậy thôi nhưng lại có thể làm cho mỗi chị em đều cảm thấy vui, thấy bớt gánh nặng trong công việc.

b. Bác ái trong lời nói.

Bác ái không chỉ thể hiện qua những hành động, việc làm, nó còn được thể hiện qua lời ăn tiếng nói của mỗi thành viên trong cộng đoàn. Lời nói bác ái của ta sẽ giúp khích lệ,

động viên tinh thần cho người chị em khác. Khi có người chị em gặp chuyện buồn hay thất vọng, ta nói lời tích cực, động viên, hẳn là người chị em đó sẽ vui đi nỗi buồn và cảm thấy vui hơn. Và ngược lại, ta sẽ thật hạnh phúc khi nhận được những lời khích lệ, động viên của chị em lúc ta gặp thử thách, gian truân. Lời nói bác ái giúp cho tình chị em thêm bền chặt hơn. Lời nói bác ái giúp cho cộng đoàn bớt đi những rắc rối, những xích mích không đáng có. Và nhiều khi một câu nói vui, một tiếng cười đùa hóm hỉnh thôi cũng làm cho chị em xua tan đi những căng thẳng, mệt mỏi trong công việc.

Không chỉ vậy, bác ái trong lời nói còn được thể hiện khi ta sửa chữa lỗi lầm cho nhau để cùng nhau thăng tiến. Có bác ái, ta dám can đảm lên tiếng để sửa chữa lỗi lầm cho người chị em. Lời nói bác ái khi sửa lỗi là lời nói chân thành, thẳng thắn nhưng không nhằm chỉ trích, vì lợi ích cho sự thăng tiến của người chị em đó chứ không nhằm hạ bệ. Và khi đón nhận những lời nói bác ái để sửa chữa bản thân, ta sẽ dễ sửa đổi để trở nên tốt hơn. Lời nói sửa dạy trong bác ái sẽ làm cho mỗi thành viên cảm thấy cần đến nhau hơn.

c. Bác ái trong tư tưởng, tinh thần.

Ngoài bác ái trong hành động, lời nói bác ái trong tư tưởng, tinh thần là điều rất cần thiết với mỗi thành viên trong cộng đoàn. Bác ái là tha thứ, nghĩ tốt cho nhau. Có tư tưởng, tinh thần bác ái, ta có thêm những suy nghĩ tích cực về những chị em khác, bớt đi những suy nghĩ tiêu cực, nghĩ xấu cho nhau.

Trong đời sống cộng đoàn, ta khó có thể tránh khỏi chuyện đôi khi làm tổn thương nhau. Với tinh thần bác ái, ta

sẽ dễ dàng tha thứ cho nhau hơn. Bởi vì “nếu ta không biết rằng bước vào cộng đoàn là để khám phá ra mâu nhiệm của sự tha thứ, thì ta sẽ sớm thất vọng”. Bác ái trong tư tưởng sẽ giúp ta sống với nhau thêm gắn bó, dễ đón nhận nhau, chịu đựng lẫn nhau mà không cảm thấy bị thiệt thòi hay bất mãn. Có tinh thần bác ái, ta sẽ không nghĩ xấu về nhau, sẵn sàng hy sinh, tha thứ cho nhau, dễ cảm thông với nhau, thấu hiểu nhau hơn và giúp nhau cùng thăng tiến.

3. Bác ái giúp cá nhân, cộng đoàn thăng tiến.

a. Đối với cá nhân.

Bác ái làm cho mỗi thành viên trong cộng đoàn thăng tiến nhanh hơn trong nhiều mặt. Có bác ái, mỗi người chị em sẽ tìm cách giúp đỡ những chị em khác trong đời sống hằng ngày và vực dậy tinh thần, đỡ nâng nhau trong đời sống thiêng liêng. Bác ái giúp mỗi thành viên biết mở lòng ra, quảng đại hy sinh, sẵn sàng tha thứ. Từ đó, mỗi người sẽ ngày càng thăng tiến trên con đường nhân đức.

b. Đối với cộng đoàn.

Nếu mỗi thành viên trong cộng đoàn đều sống bác ái, yêu thương nhau thì chắc cộng đoàn đó sẽ tràn ngập bình an và luôn thăng tiến. Trong cộng đoàn đầy bác ái yêu thương ấy, mỗi thành viên sẽ cảm thấy hạnh phúc và luôn muốn làm cho cộng đoàn ngày càng thêm phát triển tốt đẹp hơn. Và cộng đoàn đó sẽ trở nên dấu chỉ cho Nước Trời mai sau.

Còn biết bao nhiêu điều tuyệt vời của bác ái đối với sự thăng tiến của cá nhân và trong cộng đoàn. Nhưng có thể nói tóm lại rằng bác ái là sợi dây liên kết giữa mỗi người trong

cộng đoàn; làm cho tình chị em trong cộng đoàn trở nên bền chặt hơn, khăng khít hơn qua hành động, lời nói, tư tưởng. Có bác ái, mỗi cá nhân và cộng đoàn sẽ ngày càng thăng tiến hơn.

III. BÁC ÁI QUA VIỆC LẮNG NGHE.

1. Định nghĩa:

Lắng nghe có nghĩa là tận tình tiếp nhận, cảm thông và chia sẻ với cảm xúc, thái độ của người khác. Người hạnh phúc là người biết lắng nghe và thấu hiểu, còn kẻ bất hạnh chỉ biết than vãn và không biết lắng nghe. Sự thông minh không phải là việc nói nhiều, mà là khả năng lắng nghe và thấu hiểu.

2. Ý nghĩa của lắng nghe:

Trong cuộc sống, lắng nghe giúp con người thêm gần gũi, thân thiết, gắn bó, tin tưởng nhau hơn. Lắng nghe cũng là cách hóa giải các xung đột, mâu thuẫn lớn nhỏ trong đời sống, xã hội.

Cuộc sống này vốn dĩ luôn tồn tại rất nhiều những điều kì diệu. Sau tất cả những được mất thì cái còn tồn tại lại duy nhất với thời gian chính là tình yêu thương. Có rất nhiều cách để chúng ta có thể biểu lộ tình yêu thương của mình và phải chăng lắng nghe là một biểu hiện của yêu thương. Lắng nghe trong giao tiếp là thái độ im lặng khi người khác nói để mở lòng đón nhận và chia sẻ những câu chuyện. Điều này vô cùng cần thiết trong cuộc sống. Và nó cũng là biểu hiện của sự yêu thương. Khi bạn thật sự quan tâm đến một ai đó thì mới có đủ thái độ im lặng và tấm lòng sẻ chia mà thôi. Khi ta

lắng nghe là ta đã dùng trái tim để cảm nhận cảm xúc của người đối diện và dùng thái độ thông cảm và thấu cảm với câu chuyện của người đang chia sẻ. Lắng nghe bằng trái tim là lúc ta đã trao đi yêu thương. Nếu thiếu đi sự lắng nghe trong cuộc sống, con người sẽ dần xa cách nhau, cảm xúc sẽ trở nên chai sạn,....

Tuy nhiên chúng ta phải phân biệt rõ lắng nghe chân thành khác với sự im lặng vô cảm. Khi ta lắng nghe, ta cho người khác cơ hội được thổ lộ tâm tình, và cho mình cơ hội để bộc lộ yêu thương và sự thấu hiểu. Và khi lắng nghe không phải chỉ nghe một cách thụ động, hời hợt mà cần xuất phát từ sự chân thành, yêu thương...

Trong thế giới hiện đại hôm nay, những thanh âm ồn ào và vòng xoáy cuộc đời với những lo toan cơm-áo-gạo-tiền, những mưu cầu danh vọng-địa vị khiến con người ta mất dần đi khả năng lắng nghe. Lắng nghe cuộc sống, lắng nghe nhau, lắng nghe chính mình và lắng nghe tiếng Chúa.

Thiếu vắng sự lắng nghe khiến người ta trở nên xa lạ và cách biệt. Người ta xa lạ với chính mình, cách biệt với tha nhân, hững hờ với cuộc sống và quên luôn sự hiện hữu của Thiên Chúa trong đời mình. Những rạn vỡ trong các mối tương quan đều ít nhiều xuất phát từ việc người ta từ chối lắng nghe nhau. Vợ chồng, con cái không còn dành thời gian để lắng nghe nhau, bề trên và bề dưới hay anh chị em trong một cộng đoàn tu trì ngưng đối thoại với nhau, người ta ngưng “trò chuyện” với Thiên Chúa: tước đi quyền được lắng nghe của Thiên Chúa và từ chối việc lắng nghe tiếng Chúa. Đó là

những căn nguyên của những đổ vỡ trong tương quan của con người với nhau và của con người với Thiên Chúa.

Có ai đó đã nói rằng: “Nếu nói là một nhu cầu thì lắng nghe là một nghệ thuật”, và con người lại được chính Thiên Chúa ưu ái ân ban cho khả năng có thể lắng nghe. Lắng nghe không chỉ bằng đôi tai mà còn lắng nghe bằng cả con tim và khối óc. Để có thể lắng nghe, người ta cần một khoảng lặng đủ. Chính vì lẽ đó, thầy Giêsu đã luôn chọn lựa lui về một nơi vắng vẻ, dù là sáng sớm hay chiều hôm, để lặng, để có thể nghe rõ tiếng nói của Cha, để cảm nhận và thấu hiểu tình yêu của Chúa Cha dành cho riêng mình. Khi những người luật sĩ hỏi thầy Giêsu về điều răn trọng nhất, thầy Giêsu đã nhấn mạnh rằng “Giới răn trọng nhất chính là: Hỡi Ít-rael, hãy nghe đây! Thiên Chúa, Chúa chúng ta, là Chúa duy nhất, và người hãy yêu mến Chúa, Thiên Chúa người hết lòng, hết linh hồn, hết trí khôn và hết sức người”. Thầy Giêsu đã dạy dỗ người luật sĩ hôm qua và mời gọi bạn và tôi hôm nay hãy lắng nghe, hãy để cho khả năng lắng nghe của mình luôn luôn ở chế độ “Bật”, bởi vì trước khi có thể yêu mến Thiên Chúa, tôi cần lắng nghe và thấu hiểu rằng Thiên Chúa yêu tôi và tôi thuộc về Thiên Chúa.

3. Lắng nghe trong cộng đoàn dòng tu.

Đức Thánh Cha Phanxicô đã gửi gắm các cộng đoàn tu trì rằng: “Lắng nghe trong cộng đoàn là rất quan trọng bởi sự phân định cộng đoàn phải xuất phát từ một thái độ sẵn sàng lắng nghe - Lắng nghe nhau, lắng nghe truyền thống đức tin của của tiền nhân và lắng nghe các dấu chỉ thời đại để nhận biết những gì Chúa đang nói với mỗi người”.

Việc lắng nghe không chỉ liên quan đến khả năng thính giác, nhưng nó liên quan đến toàn bộ con người, và nơi sâu thẳm nhất của sự lắng nghe chính là trái tim, phải để cho trái tim bị khuất phục trước ý Thiên Chúa chứ không phải ý riêng mình (x. Lc 22,42); phải để trái tim rộng mở với mọi người và thực tại trong niềm xác tín rằng Thiên Chúa thường nói qua những người và những hoàn cảnh mà chúng ta dễ dàng loại trừ, gạt qua một bên hay không đếm xỉa đến.

Thế nhưng, chúng ta thấy rằng, càng ngày nhiều tu sĩ càng khó lắng nghe Thiên Chúa và khó lắng nghe nhau. Việc lắng nghe thường bị giới hạn bởi những tư duy độc đoán, những tiên kiến chủ quan đã được hoạch định hay những tình cảm có tính ‘phe nhóm’. Thêm vào đó, thường thì người ta thích nói hơn thích nghe, thích nghe lời khen ngợi hơn lời góp ý; Lắng nghe mà không phân định, vội nghe, vội phản ứng, vội kết án người khác; Thiếu sự quân bình về lý trí và tình cảm, không làm chủ được những yếu tố chủ quan; Thường gán nhãn, chụp mũ cho người khác và có định kiến cố hữu trong tâm thức; Chưa khiêm tốn, cái tôi cá nhân còn quá lớn che lấp lời nói và quan điểm của người khác. Một khi các tu sĩ không cố gắng giải quyết những vấn nạn này thì việc lắng nghe trong cộng đoàn còn gặp nhiều trở ngại và làm nên nguyên nhân cội rễ cho nhiều nhan đề khác.

Trong cộng đoàn tu trì, những khác biệt của các thành viên trong cộng đoàn luôn trở thành thách đố nội tại dẫn đến nhiều vấn đề nhức nhối trong việc đối thoại hằng ngày. Các tu sĩ từ bỏ thế gian, long trọng tuyên bố buông bỏ mọi thứ và tưởng rằng mọi sự đã được giải quyết cho đến trọn đời. Thế nhưng, càng tu thì những bản năng và cá tính mà mỗi người

có trong mình lại càng nổi dậy. Vẫn còn đó sự cứng nhắc và bảo thủ trong việc giữ quan điểm cá nhân; chưa khiêm tốn để đi bước trước, chưa mở lòng đón nhận sự thật về mình, không hạ mình xin lỗi, không chủ động tìm cách giải hòa và còn nhiều góc tối khác khiến cho việc chân thành đối thoại trở nên khó khăn.

Có một nhận định như thế này: *“Không chịu lắng nghe nhau là một thực trạng, là điểm hạn chế, vẫn luôn tồn tại trong mỗi Dòng Tu, mỗi cộng đoàn khi các Bề trên, những người Phụ trách ít quan tâm đến “sứ vụ” lắng nghe anh chị em của mình; khi anh chị em trong một cộng đoàn không biết lắng nghe nhau”*.

IV. KẾT.

Trong đời sống thánh hiến, cộng đoàn là yếu tố không thể thiếu để người tu sĩ tiến bước trên đường nên thánh. Sống trong cộng đoàn huynh đệ như là lời khẩn thứ tư mà người sống đời thánh hiến khẩn với Thiên Chúa. Cộng đoàn đem đến cho người sống đời Thánh hiến thật nhiều niềm vui và hạnh phúc như lời Thánh vịnh 132 diễn tả: *“Ngọt ngào tốt đẹp lắm thay, anh em được sống vui vầy bên nhau... Nơi đây ân huệ Chúa ban, chính là sự sống chứa chan muôn đời”*.

Thế nhưng, cũng có lúc cộng đoàn lại trở thành “nguồn cơn gây đau khổ” cho những con người đi tìm sự thánh thiện. Vì đâu như vậy, phải chăng cộng đoàn không phải là nơi để người tu sĩ nhận ra con đường nên thánh. Không phải vậy, sống trong đời sống thánh hiến trên con đường lữ hành trần thế nhưng người tu sĩ lại ảo tưởng một cuộc sống chỉ toàn niềm vui và họ sẽ sống với những con người tuyệt vời như

các đấng thánh. Và khi càng đặt nhiều mong đợi nơi cộng đoàn thì người tu sĩ sẽ càng thất vọng khi cộng đoàn không tốt đẹp như mình tưởng, không thánh thiện, đạo đức như mình mong, không vui vẻ như mình mơ ước. Từ đó người tu sĩ cảm thấy chán nản, thất vọng và dần dần xa rời cộng đoàn, nơi mà đáng lẽ họ phải cảm thấy hạnh phúc như sống trong gia đình của mình.

Thật ra, nếu chúng ta nhìn ra nguồn gốc, bản chất và nền tảng của cộng đoàn thì chúng ta sẽ nhận ra rằng chẳng có cộng đoàn nào tự thân là hạnh phúc, tất cả đều phải có sự nỗ lực cộng tác của các thành viên trong cộng đoàn. Bởi vì nguồn gốc của cộng đoàn là tiếng Chúa mời gọi và hồng ân Chúa Cha đã ban những chị em cho chúng ta, nền tảng của cộng đoàn là lòng mến, phản ánh mẫu nhiệm tình yêu của Thiên Chúa Ba Ngôi và đặc tính của cộng đoàn là sự hiệp nhất mà Đức Kitô mong ước thiết tha.

Trong cộng đoàn, thường mỗi người không tự chọn nhau, nhưng lại được chọn đến sống với nhau. Khi đến sống với nhau, mỗi người đều không phải là những thiên thần, nhưng mỗi người mang trong mình những yếu đuối, những đam mê. Nhưng từ chính những yếu đuối, những đam mê này mà người tu sĩ khởi đầu cuộc hành trình tiến tới sự thánh thiện. Trong cuộc hành trình này, họ cần sự bao dung và lòng thương xót của chị em trong cộng đoàn để nâng đỡ, để ủi an. Yếu đuối của người này có thể tạo nên sự mạnh mẽ nơi người kia. Khuyết điểm của người này có thể là nguyên nhân thánh thiện cho người khác. Hạnh phúc, niềm vui và sự thánh thiện sẽ đến khi nào người tu sĩ cảm thấy cộng đoàn là nơi:

- Có sự hiện diện của Chúa Giêsu nơi chính chị em của mình dù họ có những sai lỗi và yếu đuối. Tôi đón nhận “cái là” của họ cũng như chấp nhận giới hạn của chính mình. Tôi nhận ra rằng “có những thời điểm khó khăn có thể xảy đến khi cái bóng thập giá xuất hiện, nhưng không có gì có thể phá hủy niềm vui siêu nhiên vốn thích nghi và thay đổi, nhưng luôn bền vững như một tia sáng phát sinh từ sự xác tín trong lòng chúng ta rằng sau tất cả, chúng ta được yêu thương vô cùng.

- Cộng đoàn là nơi tôi được lắng nghe, được quan tâm với tất cả sự chân thành. Tôi biết mình được thấu hiểu, được nâng đỡ qua những lời nói, ánh mắt và những chi tiết nhỏ của tình yêu.

- Cộng đoàn là nơi để tôi mong muốn được trở về để nghỉ ngơi bình an sau một ngày miệt mài với sứ mạng loan báo Tin Mừng. Chính ở nơi đây tôi để tâm hồn mình được lấp đầy bình an của Đức Kitô để rồi hân hoan ra đi nói với anh em tôi rằng Chúa yêu thương họ.

- Cộng đoàn là nơi tôi nhận ra người nghèo khổ luôn được chào đón, yêu thương và giúp đỡ. Lòng thương xót của Thiên Chúa được biểu lộ qua những cử chỉ yêu thương của chị em dành cho Đức Giêsu với thân thể đầy thương tích, những lo lắng và những muộn phiền sâu xa.

- Và cuối cùng, cộng đoàn là nơi mà chính tôi-người nữ tu sẽ được triển nở và được đồng hành để cùng với chị em đi tới đích. Đó là tìm kiếm sự trưởng thành trong sự thánh hiến.

Bài Đọc Thêm

A. BÁC ÁI QUA LỜI NÓI.

1. Lỗi đức ái trong lời nói.

Cổ nhân có câu: “Nhất ngôn xuất khẩu, tứ mã nan truy” – một lời nói ra, bốn ngựa đuổi theo không kịp.

Lời nói của con người có thể có hậu quả rất lớn và rất phức tạp; có thể ích lợi hay tai hại, xây dựng hay phá đổ. Chính vì thế, bác ái rất cần trong lời nói.

Muốn bác ái trong lời nói, trước hết phải tế nhị, tránh những lời nói làm thiệt hại hoặc gây buồn phiền. Có thể đó là những lời nói hữu ý hay vô tình:

a. Hữu ý.

Đức ái đòi buộc chúng ta đừng bao giờ có ý xúc phạm hay làm phiền lòng người khác bằng lời lẽ của mình:

+ Lời nói “khó chịu” phản ảnh bản năng gây hấn của con người. Chúng ta không thể hoàn toàn chế ngự bản năng gây hấn, nhưng có thể làm cho dịu bớt.

+ Lời chọc tức có thể đưa tới những hậu quả xấu, trầm trọng hơn cả là làm cho tha nhân mất bình an nội tâm.

+ Lời nói sỉ nhục thì hoàn toàn đi ngược tinh thần Phúc âm, ngược với thái độ kính trọng mà mỗi người kitô hữu phải có đối với tha nhân (Mt 5,22).

b. Vô tình.

Đôi khi những lời nói vô tình cũng gây thiệt hại trầm trọng cho kẻ khác. Có những lời nói vô tình làm cho người

khác phiền muộn lâu dài, nhất là những lời nói phản ảnh phán đoán tiêu cực của chúng ta. Chúng ta không thể tránh hết các lời nói vô tình gây thiệt hại cho người khác, nhưng đức ái đòi chúng ta phải cảnh giác tối đa để khỏi làm phiền lòng họ.

Ăn nói tế nhị vừa là một bài học nhân bản tự nhiên, vừa là một bài học bác ái siêu nhiên. Những người hay va chạm với người khác trong lời nói, cần phải ở khiêm nhường, tập uốn nắn và điều chỉnh cách ăn nói của mình.

c. Lời nói đùa.

Cần tránh những lời nói nửa đùa nửa thật để nhạo báng người khác. Vì là nửa đùa nửa thật, những lời nói này đã hàm ý đánh giá, biểu lộ một phần tâm tư người nói.

Những lời nói thuần túy bông đùa có thể tạo niềm vui cho kẻ khác, đánh tan bầu khí giá lạnh. Nhưng chúng cũng có giới hạn mà mỗi người phải nhận ra, để tránh gây thiệt hại uy tín cho người khác, khỏi làm phiền lòng người khác cách vô lý.

d. Lời nói sau lưng.

Nói hành, nói xấu, làm thiệt hại uy tín và danh dự người khác, là điều lỗi đức ái nặng. Ganh tị là nguyên nhân chính gây ra nói hành nói xấu.

Có những người, do tính tự nhiên, nghiêng về việc nói xấu. Tính tình này là một nét xấu phải sửa đổi.

Chúng ta lỗi đức ái nặng nề nhất, khi lời nói sau lưng hoàn toàn đi ngược với lời nói trước mặt. Khuynh hướng này

biểu lộ sự hèn nhát, không xứng với người kitô hữu là con cái sự thật.

e. Cử chỉ.

Chúng ta cần lưu ý những cử chỉ đi ngược đức ái:

- + ầu đả, vũ phu vũ phụ.
- + những cử chỉ xua đuổi, xa lánh.
- + những cử chỉ bực dọc quá đáng.

2. Xây dựng tình bác ái bằng lời nói.

Chúng ta thường lỗi đức ái trong lời nói nhiều hơn, ngược lại cũng có thể xây dựng tình bác ái bằng lời nói nhiều hơn. Điều này đòi hỏi một ý thức mãnh liệt và thường xuyên. Nhờ ý thức mà chúng ta khám phá cơ hội thi hành bác ái bằng lời nói.

Bác ái trong lời nói không là ăn nói đưa đẩy hay tìm cách lấy lòng người khác bằng lời xu nịnh, cũng không là lời nói suông trên môi miệng, miễn trừ hành động thực tế. Nhưng là dùng lời nói như một yếu tố quan trọng để biểu lộ và xây dựng điều cốt yếu mà Đức Kitô dạy là tình yêu không giả dối.

Việc xây dựng tình bác ái bằng lời nói rất đa dạng, tùy người và tùy môi trường, nhưng cũng có những nét lớn căn bản:

a. Lời khích lệ.

Lời nói khích lệ là lời nói tạo phấn khởi cho người khác, khi người ấy đang nỗ lực thi hành một công việc gì, hay đang cố gắng theo đuổi một chương trình gì.

Lời nói khích lệ có thể là lời khen chân thật, lời cổ vũ, bày tỏ sự tin tưởng, lời biểu lộ cảm tình. (Những người đang gặp hoàn cảnh khó khăn cần lời khích lệ hơn cả).

Lời khích lệ thực sự phải là lời chuyên chở ý muốn thăng tiến người khác, không mang màu sắc mĩ mai hay ghen tị, là lời chứa đựng tình yêu và biểu lộ tình yêu đối với người được khích lệ.

b. Lời an ủi.

Lời an ủi là lời thông cảm với người khác, xoa dịu nỗi buồn hay sự thất bại của người khác. Lời an ủi càng cần thiết khi người khác đang đau khổ. Trong một vài trường hợp, lời an ủi được thay thế bằng sự hiện diện, một sự hiện diện chứa đầy tình thương.

c. Lời thông cảm hay chia sẻ.

Có những trường hợp con người cần sự thông cảm hơn những thứ khác. Thông cảm là biểu lộ sự rung động của mình trước nỗi khổ của người khác. Lời nói thông cảm biểu lộ tâm hồn mở rộng đón nhận đau khổ của tha nhân (vui với người vui, khóc với người khóc).

d. Lời nói làm vui lòng người khác.

Người ta có thể làm vui lòng nhau bằng quà tặng, cử chỉ, hành vi hay lời nói. Trong thực tế, lời nói là điều con người dễ sử dụng nhất để làm vui lòng người khác. Phải lựa lời nói để đẹp lòng nhau (bộ mặt nhân bản của đức ái).

e. Lời nói xây dựng.

Lời nói xây dựng là lời bày tỏ sự thật để góp ý thẳng tiến người khác hay xây dựng lợi ích chung.

Tùy cương vị mỗi người mà lời nói xây dựng mang sắc thái khác nhau:

– Lời của người trên phải đầy tình thương (đừng phần nộ); khi lòng phần nộ, đừng nói, nên để lúc khác.

– Lời nói xây dựng của người dưới phải khiêm nhường: trình bày hay góp ý, chứ không dạy đời.

– Lời nói xây dựng của người ngang hàng phải là lời thân thiện (chia sẻ trong tình bạn).

f. Cử chỉ.

– thân thiện

– hòa giải

– phục vụ, giúp đỡ.

B. BÁC ÁI QUA HÀNH ĐỘNG (*Hành vi bác ái (1 Ga 3,18)*)

Hành vi đức ái là bộ mặt thực tế của tình yêu Kitô giáo, nhờ đó sứ điệp Tin Mừng không còn thuần túy lý thuyết, hay là tình cảm suông, nhưng trở thành đời sống. Hành vi đức ái có thể hiểu theo nghĩa rộng hay nghĩa hẹp:

a. Nghĩa rộng.

Bất cứ hành vi nào có động lực là lòng bác ái yêu thương, đều là hành vi bác ái. Theo nghĩa này, mỗi người chúng ta đều được mời gọi sống đức ái tối đa. Đức ái dần dần phải trở nên linh hồn của mọi hành vi. Chúng ta luôn hành động vì yêu thương. Yêu thương trở thành hơi thở, sự sống,

lượng thực cần thiết cho người Kitô hữu. Con người thánh thiện là con người thấm nhuần yêu thương trong tư tưởng, lời nói, việc làm.

b. Nghĩa hẹp.

Hành vi có nội dung bác ái, không những do động lực bác ái, mà còn biểu lộ lòng bác ái. Không phải lúc nào chúng ta cũng bó buộc làm những hành vi bác ái theo nghĩa hẹp, nhưng chắc chắn chúng ta bị đòi buộc phải làm khi có cơ hội. Những hành vi này bao gồm nhiều loại khác nhau, liên hệ tới cuộc sống thực tế và biểu lộ các khía cạnh khác nhau của đòi hỏi Tin Mừng.

1. Hành vi hòa giải.

a. Hành vi hòa giải với tha nhân.

Khi có xung đột với tha nhân, chúng ta phải tìm cách làm hòa với họ; đức ái Kitô giáo đòi hỏi chúng ta đi bước trước (Mt 5,23-25).

b. Hành vi hòa giải người khác.

Khi có xung đột giữa những người có quan hệ với chúng ta, Tin Mừng đòi hỏi chúng ta tìm cách hòa giải họ với nhau, vì Tin Mừng muốn cho người Kitô hữu trở nên khí cụ bình an (đem yêu thương vào nơi oán thù).

c. Hành vi tha thứ.

Khi có người xúc phạm đến chúng ta, chúng ta phải tha thứ, dù người ấy có xin lỗi hay không (đừng để mặt trời lặn mà cơn giận vẫn còn!).

2. Hành vi phục vụ.

a. Hành vi giúp đỡ.

Tùy trường hợp, tùy khả năng, chúng ta bị đòi buộc phải giúp đỡ những người thiếu thốn, hoạn nạn, những người cần đến chúng ta. Phải tập đức tính “hay giúp đỡ người khác”, vì đức tính này rất gần với Tin Mừng.

b. Hành vi phục vụ.

Phục vụ là đòi hỏi của Tin Mừng, là ơn gọi của chúng ta. Đức Giêsu đã nêu gương phục vụ và đã yêu cầu theo gương Người (Ta đến để phục vụ). Công việc phục vụ có thể thuộc bình diện tinh thần hay vật chất.

3. Hành vi chia sẻ.

Chia sẻ là hành vi đức ái có quan hệ tới tinh thần khó nghèo. Chỉ con người khó nghèo mới có thể từ bỏ một phần của cải để chia cho người khác (vật chất + tinh thần).

4. Các hành vi tốt.

Các hành vi tốt nhằm làm vui lòng người khác là những hành vi bác ái tham gia vào tình yêu của Thiên Chúa, có thể làm nảy sinh tình yêu nơi người khác, có giá trị cứu thế, khi được thực hiện với tâm tình của Chúa.

C. BÁC ÁI QUA CÁC MỐI TƯƠNG QUAN.

1. Tương quan giữa các Dòng.

a. Một chút suy tư và đôi nét tổng hợp giáo huấn của Hội Thánh.

Đời sống Thánh hiến là đặc ân Chúa Thánh Thần ban cho Giáo Hội. Mỗi Tu Hội được thành lập theo một đặc sủng riêng, dù khác biệt nhưng hợp thành một toàn bộ gắn kết với

nhau trong công trình duy nhất của chính Ngài, là làm cho ơn cứu độ Chúa Giêsu đã thực hiện thấm nhuần thế giới tiến tới vị lai trong trời mới đất mới. Thánh Phaolô Tông đồ đã viết: *“Có nhiều đặc sủng khác nhau, nhưng chỉ có một Thần Khí. Có nhiều việc phục vụ khác nhau, nhưng vẫn chỉ có một Thiên Chúa làm mọi sự trong mọi người. Thần Khí tỏ ra nơi mỗi người mỗi cách là vì ích chung” (1Cr 12, 4-7).*

Đặc sủng Chúa ban cho Tu Hội là để phục vụ, do đó, mối tương quan giữa các Tu Hội Đời sống thánh hiến là có cách hiển nhiên, từ trong yếu tính cũng như trong chức năng phục vụ Hội Thánh. Giáo huấn của Hội Thánh đã nói rất rõ về mối tương quan này, đặc biệt trong Tông huấn *“Đời Sống Thánh Hiến”* của thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II.

– Đối với các Dòng tu cũ và mới, Tông Huấn viết: *“Các hình thái mới của đời thánh hiến, cộng thêm vào những hình thái cũ, đang làm chứng cho thấy việc dâng hiến toàn thân cho Thiên Chúa [...] vẫn còn có khả năng thu hút thế hệ hiện tại. Các hình thái này cũng là dấu chỉ cho thấy các ân điển của Chúa Thánh Thần bổ túc cho nhau”*.^[51]

– Đối với các Tu Hội nói chung, Tông Huấn viết tiếp: *“Trong bối cảnh hài hoà của các ân sủng, mỗi bậc sống chủ yếu diễn tả, theo cách của mình, một chiều kích nào đó thuộc mâu nhiệm duy nhất của Đức Kitô. [...] Còn khi xét tới sứ mạng của Giáo Hội là phải biểu lộ sự thánh thiện thì phải công nhận, với cái nhìn khách quan, là đời thánh hiến đứng ở một bình diện ưu việt, bởi vì phản ánh chính lối sống của Đức Kitô.[...] Trong viễn ảnh đó, chung cho toàn thể đời thánh hiến, đã có những nẻo đường khác nhau nhưng bổ túc cho nhau...”*.^[52]

– Đức Thánh Cha còn chỉ cho biết mối tương quan giữa các Tu Hội, bao gồm cả lãnh vực đời sống thiêng liêng huynh đệ và sự cộng tác tông đồ, được nuôi dưỡng dựa trên “*cảm thức về sự hiệp thông trong Giáo Hội*”. Ngài mượn lại lời của thánh Bernaldo để diễn tả ý tưởng này: “*Tôi thán phục tất các Dòng [...]. Tôi thuộc về một trong các Hội Dòng đó do kỷ luật, nhưng thuộc về tất cả do đức mến. Tất cả chúng ta đều cần đến nhau: điều thiện hảo thiêng liêng mà tôi không có, hay không chiếm hữu, thì tôi nhận được từ những Dòng khác [...]. Trong cuộc lưu đày này, khi mà Giáo Hội còn đang lữ hành, có thể nói rằng tính duy nhất của Giáo Hội thì đa dạng và tính đa dạng của Giáo Hội thì duy nhất [...]. Và tất cả những khác biệt của chúng ta, biểu lộ các ân huệ phong phú của Thiên Chúa, sẽ còn tồn tại trong nhà Cha, vì nơi đây có nhiều chỗ ở. Ngày nay thì có sự phân phối các ân sủng, ngày ấy sẽ có sự phân biệt các vinh dự. Sự hiệp nhất, ở dưới thế này cũng như ở trên đó, là do cùng một đức mến*”.^[53]

Mối tương quan giữa các Tu Hội là mối tương quan hiệp thông. Hội Thánh không chỉ có giáo huấn mà còn thiết định cho mối tương quan này có chiều kích pháp lý. Đây là một tiến trình, có thể nói bắt đầu từ Đại hội “*Các Bạc Sống Trọn Lành*” được tổ chức tại Rôma vào ngày 29 tháng 10 năm 1950. với những gợi ý từ bài diễn từ bế mạc của Đức Thánh Cha Piô XII, Năm thánh (*Annus sacer*), liền sau đó, nhiều cuộc đại hội được tổ chức mang những tên gọi khác nhau như hội nghị, hội đồng, uỷ hội hay hiệp hội các bề trên cao cấp của các Tu Hội. Đỉnh cao là Hiệp hội Quốc tế Bề trên Tổng quyền các Dòng nam, và Hiệp hội Quốc tế Bề trên Tổng quyền các Dòng nữ ra đời.^[54]

Đến bộ Giáo luật 1983 thì mối tương quan này được xác định rõ: *“Các Hội Đồng Bề trên cao cấp cần có qui chế được Tòa Thánh phê chuẩn. Tòa Thánh là thẩm quyền duy nhất có thể thành lập Hội nghị, ban cấp tư cách pháp nhân, và giữ quyền lãnh đạo tối cao của hội nghị”*.^[57]

b. Trong thực tế đời sống Giáo Hội Việt Nam.

Đời thánh hiến trong Giáo Hội Việt Nam như đang ở thời điểm trùng mùa, vì con số ơn gọi dồi dào, ngoài các Hội Dòng cũ đã có trước đây, các Hội Dòng mới du nhập vào ngày càng nhiều. Các Hội Dòng phát triển mạnh về cơ sở và nhân sự. Về phương diện tương quan giữa các Dòng, hiện tại có Liên Hiệp Các Bề Trên Thượng Cấp sinh hoạt đều đặn theo nhiệm kỳ ba năm, mỗi năm có một đại hội được tổ chức, như năm 2014 vừa qua, đại hội được diễn ra tại K’Long – Đà Lạt vào các ngày 4,5 và 6 tháng 11. Ngoài ra còn có Đại hội Tu sĩ toàn quốc, liên tu sĩ trong các Giáo phận,...

Kết quả mối tương quan giữa các Tu Hội đời sống thánh hiến trong Giáo Hội Việt Nam như đang có, có thể nói là từng bước lần mò trong đêm tối do hoàn cảnh xã hội. Từ những ngày đầu sau biến cố thống nhất đất nước 1975, tiêu biểu như cha Giuse Nguyễn Công Đoan , S.J. đã kể:

“Sáng ngày 30.04.1975, cả miền Nam Việt Nam bước vào chế độ mới. Tu sĩ Công Giáo trở thành kẻ lạ mặt khả nghi [...]. Bóng đêm đè nặng. Đời tu đi về đâu? Mọi người băn khoăn trăn trở. Ngồi nhìn bóng đêm mà than vãn thở dài chẳng ích gì. Trong cái vòng kiểm soát kiến chui không lọt này làm sao ngồi lại được với nhau để cùng nhau do đường mà đi. Nhà Dòng Phanxicô Đa Kao đã mạo hiểm mở cửa cho anh chị

em tới ngôi dưới bóng Đức Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình mỗi thứ sáu đầu tháng. Cha Vincent Nguyễn Huy Lịch O.P. và cha Guy Marie Nguyễn Hồng Giáo O.F.M. là hai người “đứng mũi chịu sào”, tổ chức nội dung cho các cuộc gặp gỡ hàng tháng. Một nhóm anh chị em ngồi lại cùng nhau nghiên cứu, suy tư. Mỗi lần họp mặt thì Đức Tổng Giám mục Phaolô mở đầu bằng ít lời huấn dụ, cha Vincent Nguyễn Huy Lịch O.P. và cha Guy Marie Nguyễn Hồng Giáo O.F.M. thông báo tin tức về Hội Thánh và đời tu. Sau đó ban nghiên cứu trình bày đề tài đã suy tư để anh chị em trao đổi”.^[62]

Như các loại cây, ngọn luôn hướng về phía có ánh nắng, các tu sĩ của các Hội Dòng bị giải tán phải trở về gia đình, ở các vùng quê, đã tìm đủ mọi cách để ngồi lại với nhau, chèo chống tồn tại. Nói chung đủ mọi cách thức, và Chúa đã đủ lòng thương ban ơn, không những đời tu tồn tại trong dông bão mà còn trưởng thành lớn lên sinh sôi từ đó. Bản thân người viết theo Chúa trong ơn gọi Đời sống thánh hiến cũng bắt đầu từ nhóm những tu sĩ bị giải tán chạy về quê.

Năm 1995, Lớp Bồi dưỡng thần học Phaolô Nguyễn Văn Bình dành cho các Dòng nam được mở tại cơ sở Dòng Đaminh số 44 đường Tú Xương, quận 3, Tp. HCM. Ban đầu chỉ gọi là “Lớp bồi dưỡng thần học” với thời hạn giấy phép một năm. Do đó mới có chuyện xảy ra là, khóa đầu tiên học xong năm một phải nghỉ ở nhà cả năm vì Lớp thần học chưa được cấp phép lại. Thế nhưng, cho đến nay đã chính thức trở thành “Học Viện Liên Dòng Phaolô Nguyễn Văn Bình” gồm hai nhánh nam và nữ. Ngoài ra, các Học viện khác của liên một số Dòng, hay của một Dòng nhưng có nhiều sinh viên từ

các Dòng khác cùng theo học cũng đã thành hình và đi vào hoạt động. Cũng xoay quanh vấn đề đào tạo huấn luyện, hàng năm, ở nhiều nơi đã tổ chức những khóa bồi dưỡng cho liên tu sĩ các Dòng. Đây là kết quả nổi bật nhất về mối tương quan giữa các Dòng tu trong Giáo Hội Việt Nam.

Bên cạnh việc đào tạo, huấn luyện, các Dòng còn hợp tác với nhau cách đặc lực và sinh hiệu quả trong lãnh vực phục vụ qua loại hình công tác xã hội. Ngoài ra, trong những cuộc lễ lớn cấp Giáo phận hay quốc gia, các Dòng, nhất là các Dòng nữ, hợp tác với nhau và với Giáo phận trong việc tổ chức.

Như thế, suốt một thời gian dài khó khăn, trong xã hội, người tu sĩ như *“công dân hạng hai”*, các Hội Dòng đã liên kết với nhau vượt qua thử thách. Đứng về phía con người, kết quả đó là do các Tu Hội đời sống thánh hiến đã không sống một mình, nhưng tìm cách gắn bó với nhau. Hiện tại, xã hội đã thay đổi, tuy vẫn còn những cấm đoán, hạn chế, nhưng chính sách đã cởi mở hơn cho các Dòng tu thu nhận đệ tử, xây dựng cơ sở bề thế hoành tráng. Từ thực trạng đó nảy sinh cái nhu cầu quay về với mình để củng cố, phát triển, vì sau bao năm khó khăn, cấm cách làm cho Hội Dòng tụt hậu không bằng chị, bằng em là rất lớn. Do đó, cũng ảnh hưởng đến mối bận tâm thiết lập tương quan giữa các Tu Hội để nâng tầm Đời thánh hiến lên bình diện chung phổ quát. Đây là điều rất cần lưu ý, cũng như lưu ý nữa là trong thời hiện tại, với hồng ân Chúa ban cho Giáo Hội Việt Nam dồi dào ơn gọi, các Hội Dòng cần có hướng đi thế nào để không *“lãng phí”* ơn ban của Ngài.

2. Tương quan với Giáo phận.

Mối tương quan giữa các Tu Hội đời sống thánh hiến và Giáo phận được nói đến trong nhiều tài liệu giáo huấn của Hội Thánh. Chẳng hạn như Hiến chế Tín lý về Giáo Hội, số 45; Tông huấn Đời sống Thánh hiến, các số 46 – 50; Giáo luật các số 628. 667 – 683; “*Những yếu tố cốt yếu trong giáo huấn của Hội Thánh về đời tu*”, các số 41 – 43; “*Những Chỉ Dẫn Về Huấn Luyện*”, mục D. Đặc biệt tài liệu “*Các liên hệ hỗ tương giữa giám mục và tu sĩ trong Giáo Hội*” (*Mutuae relationes*) của Bộ các Hội Dòng đời sống thánh hiến và Hiệp hội đời sống tông đồ, ban hành ngày 14 tháng 5 năm 1978 đã nói rất rõ. Với tài liệu này, mối tương quan hỗ tương giữa Giám mục và tu sĩ, trong đó cho thấy tương quan giữa Dòng tu và Giáo phận được trình bày một cách rất hệ thống, với phần đầu là những suy tư thần học mang tính chất nền tảng, thứ đến những nguyên tắc cùng với những vấn đề mà bản thân mối tương quan nhắm tới.

a. *Cái gốc của mối tương quan.*

Thánh Phaolô diễn tả sự khác biệt nhưng lại là duy nhất của Hội Thánh Chúa Kitô khi ngài dùng hình ảnh nhiều bộ phận trong cùng một thân thể (x. Rm 12,5). Hiến chế Tín lý về Hội Thánh khẳng định sự hợp nhất của Dân Thánh “*khởi nguồn từ sự hợp nhất của Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần*”.^[63] Hội Thánh là Dân Thiên Chúa. Một dân duy nhất có cùng một đức tin, một lối thờ phượng và một cách sống (luân lý) phổ quát trên mọi dân tộc, lãnh thổ, tồn tại hơn 2000 năm qua và tiếp tục trường tồn dựa trên lời Chúa Giêsu đã nói (x. Mt 16,18).

Mặt khác, “*sự hiệp thông giữa các phân tử trong Giáo Hội là hoa quả của Thánh Thần đến nỗi sự hiệp thông này giả thiết trước đó phải có sự nghiệp của Đức Giêsu Kitô bao hàm lịch sử và sự vượt qua của Người [...] Cho nên không thể có thái độ ngoan ngoãn thật với Thần Khí nếu không có sự trung thành với Chúa Kitô là Đấng cử Người đến [...] Vì thế, sự hiệp thông giữa các thành phần trong Giáo Hội không hoàn toàn thiêng liêng, nghĩa là chỉ do Chúa Thánh Thần tạo nên và tự bản tính có trước các chức năng trong Giáo Hội do sự hiệp thông đó gây nên; nhưng sự hiệp thông đó mang tính cách phẩm trật, bởi vì phát xuất từ Đức Kitô là Thủ Lãnh do một sức thúc đẩy mãnh liệt*”.^[69]

Từ xác tín căn bản đó ta mới có thể hiểu và đón nhận cơ cấu phẩm trật trong Giáo Hội, đồng thời trong cơ cấu phẩm trật lại hành động một cách thiêng liêng, tức là tìm thánh ý Chúa để phục vụ cho toàn Thân Thể của Người, đúng như ơn gọi Kitô hữu “*đòi hỏi mọi người phải lấy vị trí siêu việt của đời sống trong Thần Khí làm tiêu chuẩn cho việc tham dự vào sự hiệp thông trong Giáo Hội*”.^[70]

Trong thực tế, nhất là những lúc “*com không lành canh không ngọt*” khi nhìn vào “*cơ cấu phẩm trật*” của Hội Thánh, người ta chỉ thấy yếu tố “*con người*” và coi Hội Thánh như là của Đức Giáo Hoàng hay của Đức Giám mục mà quên đi Hội Thánh là của Chúa Kitô, Ngài thiết lập Hội Thánh như thế khi đặt thánh Phêrô làm đầu (x. Mt 16,19). Ngược lại, thái độ coi đoàn chiên như thực tại thuộc quyền sở hữu, tôi muốn làm gì thì làm, cũng là một cách làm sai không kém.

b. Những điều các Tu Hội cần ý thức và đón nhận trong tâm tình con thảo.

Cái nhìn siêu nhiên. Đối với Đức Giám mục Giáo phận, các Tu Hội thánh hiến cần có cái nhìn siêu nhiên về bản thân và sứ vụ chẵn dốt của các ngài. Vì “*với tính cách là Đầu, Đức Kitô hiện diện trong thừa tác vụ của Giám mục*”. Nơi con người của vị Giám mục, “*Chúa Giêsu Thượng Tế hiện diện giữa anh em tín hữu. Các ngài thay mặt Đức Kitô là Thầy, là Mục Tử và là Thượng Tế và hành động nhân danh Người. Trong Hội Thánh Không có ai thực thi chức năng hữu cơ cốt yếu đưa đến sự phong phú, sự hiệp nhất, có quyền bính thiêng liêng và có ảnh hưởng trên tất cả các sinh hoạt của Hội Thánh cho bằng các Giám mục*”.^[73]

Tâm tình biết ơn. Trong tương quan hỗ tương, tâm tình biết ơn của Tu Hội thánh hiến thật xứng hợp, vì “*qua tác động của Hàng Giáo phẩm, Thiên Chúa hiển thánh các tu sĩ để phục vụ Dân Thiên Chúa ở một mức độ cao hơn*”. Bậc sống tu trì qua việc phê chuẩn được nâng lên bậc sống do Giáo luật quy định, và qua việc cử hành phụng vụ, “*Giáo Hội còn trình bày việc khấn Dòng như một bậc sống được cung hiến cho Thiên Chúa*”. Đồng thời, với tính cách là thành phần của Giám mục đoàn, các Giám mục cùng một lòng một ý với Đức Giáo Hoàng cùng thực thi những trọng trách: hướng dẫn cách thực hiện các lời khuyên Phúc Âm, phê chuẩn luật Dòng được đề nghị, tức là thừa nhận và trao phó cho các Tu Hội sứ mệnh riêng và khuyến khích dẫn thân..^[74]

Sự vâng phục. Thái độ vâng phục là điều tối quan trọng. Trong sắc lệnh “*Nhiệm vụ mục tử của các Giám mục trong Giáo Hội*” (*Christus Dominus*), thánh Công Đồng viết: “*Tất cả các tu sĩ phải luôn thành tâm tuân phục và tôn trọng các Giám mục là những người kế vị các Tông Đồ [...]*”.

Mọi tu sĩ miễn trừ và không miễn trừ đều phải tùng phục Bản quyền địa phương trong những điều liên quan tới việc công khai tôn thờ Thiên Chúa, tới việc coi sóc các linh hồn, việc giảng huấn cho dân chúng và việc giáo dục tôn giáo, luân lý”,^[75] cùng với việc thi hành phụng tự công cộng.^[76] Các tu sĩ phải nhớ những qui định của tự sắc “Hội Thánh” (*Ecclesiae Sanctae*). Theo đó: “Tất cả các tu sĩ, kể cả những người được miễn trừ, đều phải tuân phục những luật lệ, sắc lệnh, chỉ thị của Bản quyền sở tại về những gì liên quan tới việc tông đồ, hoạt động mục vụ và xã hội mà Bản quyền sở tại dạy hoặc khuyến khích. Các tu sĩ còn phải tuân phục các luật lệ, sắc lệnh và chỉ thị của Bản quyền sở tại hay của Hội Đồng Giám Mục [...] những luật lệ liên quan tới các yếu tố nói trên”.^[77] Đối với Tu Hội miễn trừ “phải trau dồi trước hết một sự tuân phục đặc biệt đối với Đức Giáo Hoàng và các Giám mục, thực sự và sẵn sàng dùng sự tự do và hoạt động tông đồ của mình vào công cuộc phục vụ, phù hợp với đức vâng lời của người tu sĩ...”.^[78] Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II nhắc rằng: “Các Tu Hội không thể nại đến quyền tự trị chính đáng của mình, và thậm chí quyền miễn trừ mà nhiều Tu Hội được hưởng để biện minh cho những chọn lựa đi ngược lại những đòi hỏi của sự hiệp thông hữu cơ cần thiết cho đời sống lành mạnh của Giáo Hội”.^[79]

Tấm lòng quảng đại. “Các tu sĩ hãy mau mắn và trung thành hưởng ứng những lời thỉnh cầu và nguyện vọng của các Giám mục để lãnh nhận những vai trò rộng lớn hơn trong việc cứu độ con người, tuy vẫn phải duy trì đặc tính của Tu Hội thánh hiến và theo đúng Hiến Pháp”.^[80] Cách riêng, “các tu sĩ linh mục, xét theo một phương diện nào đó, phải coi mình “thực sự thuộc hàng giáo sĩ của Giáo phận”.^[81] “Những người

tận hiến đừng quên quảng đại cộng tác với Hội Thánh địa phương”.^[82]

c. Sự phối hợp nhịp nhàng.

Giáo huấn Hội Thánh dạy: “Để mỗi ngày sinh thêm hoa trái tốt đẹp hơn, các quan hệ giữa Giám mục và Bề trên Dòng phải luôn luôn được thực hiện trong sự **tôn trọng** đầy hảo ý... với xác tín rằng các tu sĩ phải nêu chứng tá về sự dẽ tuân phục đối với Huấn quyền và vâng phục đối với các Bề trên Tu Hội, cũng như trong ý muốn đôi bên tôn trọng giới hạn thẩm quyền của lẫn nhau”.^[92] Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II trong “*Tông huấn Đời sống Thánh hiến*” đã viết: “Việc **đối thoại** liên lý giữa các Bề trên các Hội Dòng Tận hiến và Tu đoàn Tông đồ với các Giám mục là điều rất hữu ích. Hiểu biết nhau là điều kiện cần thiết để hợp tác hữu hiệu, nhất là trong lãnh vực mục vụ”.^[93]

3. Tương quan với Giáo xứ.

So với hai mối tương quan đã bàn đến ở trên, mối tương quan giữa Tu Hội thánh hiến và Giáo xứ có vẻ nhỏ bé. Tuy nhiên, mối tương quan đó lại được thể hiện một cách hữu hình sống động hơn hết, bởi vì “*việc hiệp thông của Hội Thánh mặc dầu có tầm vóc bao quát hoàn vũ, nhưng nó được diễn tả một cách rõ ràng và gần gũi nhất ở trong Giáo xứ. Giáo xứ là đơn vị địa phương của Hội Thánh. Nói một cách khác chính là Hội Thánh sống giữa con cái nam nữ của mình*”.^[96]

Kinh nghiệm cuộc sống cho thấy, ở các Giáo xứ có sự hiện diện của cộng đoàn Tu Hội thánh hiến, các em thiếu nhi được chăm sóc đức tin tốt hơn, các bạn trẻ được quan tâm, dẽ

qui tụ hơn, Phụng vụ nghiêm túc sạch đẹp hơn, ca đoàn, các giới khởi sắc hơn,... Một Giáo xứ được như thế quả là điều đáng ước mơ, đem lại một sức sống đức tin mạnh mẽ tác động rất tích cực nơi tâm hồn những người trẻ, dệt nên ước muốn dâng mình cho Chúa sống ơn gọi tu trì. Chắc hẳn, Giáo xứ đó có nhiều xúc tác cho sứ vụ truyền giáo. Kết quả này do đâu? Nhiều người cho rằng, nhờ có những tu sĩ tài năng giúp Cha xứ nên Giáo xứ mới được như vậy.

Từ thực tế cuộc sống cho thấy, yếu tố tài năng là có nhưng không phải tất cả, lắm khi nhiều người tài làm việc chung lại không có kết quả. Ngược lại, trong Giáo xứ có cộng đoàn Tu Hội thánh hiến, các tu sĩ không nhiều tài năng, nhưng Giáo xứ làm được những việc rất tích cực. Đó là một thực tế có thật, và người ta kiểm nghiệm thì thấy trong Giáo xứ đó không có tu sĩ tài năng, không có Linh mục lỗi lạc nhưng có sự bình an vì tất cả các thành phần, đặc biệt là Cha xứ và các tu sĩ hiện diện trong Giáo xứ, tuy cuộc sống tách biệt, khác nhau, nhưng có mối tương quan huynh đệ, bác ái, cùng nhau làm việc Chúa, xây dựng Hội Thánh, đào tạo con người, tìm ích cho phần rỗi các linh hồn.

Không gì tệ hơn là trong một Giáo xứ giữa Cha xứ và cộng đoàn Tu Hội thánh hiến bất hòa. Về phía Tu Hội thì mặc kệ, không cộng tác, chỉ làm bổn phận của Tu Hội mình, có lúc nại đến đặc sủng để cảm thấy bình an trong tình trạng bất hợp tác do bất hòa. Còn Cha xứ lại giữ thái độ ban phát: việc mục vụ, tông đồ, phụng vụ và ngay cả bác ái cũng là của cha, được làm là nhờ “*cho*”, nên khi cho làm là đã được ơn huệ và lòng tốt của cha rồi, nếu không ngoan ngoãn sẽ bị cắt. Tình trạng bất hòa giữa Cha xứ và tu sĩ đang hiện diện

trong Giáo xứ gây gương mù, gương xấu cho giáo dân một cách trầm trọng. Nó làm tổn thương hình ảnh vốn luôn cao quý trong tâm hồn giới thanh thiếu niên, gieo bất an trong lòng người có tuổi, làm cơ cho sự ù lì, nguội lạnh, mất cơ hội và hình mẫu để vươn lên.

Những thực trạng đó rất thật, vì thế xây dựng mối tương quan giữa Tu Hội thánh hiến và Giáo xứ là điều tối quan trọng. Hội Thánh nhận ra “*nguyên lý trong hiệp nhất có sức mạnh*”^[97] nên Giáo luật 1983 số 680 đề nghị: “*Giữa các Tu Hội khác nhau và giữa các Tu Hội với Giáo sĩ triều, cần phải cổ võ sự hợp tác có tổ chức cũng như sự phối hợp tất cả các công tác và hoạt động tông đồ dưới sự lãnh đạo của Giám mục Giáo phận, tuy phải tôn trọng đặc tính mục đích và các luật thiết yếu của các Tu Hội*”. Được như vậy, “*các Linh mục có thể nhờ cậy vào sự gắn bó, đức bác ái và sự trợ giúp cũng như lời cầu nguyện, sự cộng tác, mối quan tâm sâu sắc và hiệu quả của các tu sĩ nam nữ. Bằng việc hiệp nhất các năng lực trí lòng, các Linh mục và tu sĩ có thể tạo nên một sức sống tân kỳ trong Giáo Hội và làm cho sự hiện diện của họ giữa thế giới được cảm nhận sâu sắc*”.^[98]

Muốn được vậy, về phía các Cha xứ, ngoài những vấn đề liên quan đến con người, cần có sự hiểu biết đặc sủng của các Tu Hội thánh hiến đang hiện diện trong Giáo xứ, để tránh hiểu lầm khi cho rằng Tu Hội không sẵn sàng cộng tác, nhưng thực tế vì việc ta nhờ giúp hay cộng tác không đúng với đặc sủng của họ. Vì thế, ngay trong giai đoạn đào tạo, Thánh Công Đồng đã nhắc: “*Chúng sinh cũng phải lưu tâm học cho biết cách giúp đỡ các tu sĩ nam nữ bền đỗ trong ơn gọi riêng và tiến đức theo tinh thần của Tu Hội*”.^[99]

Bên cạnh đó là ý thức trách nhiệm đối với các tu sĩ, mà trong Sắc lệnh “Về chức vụ và đời sống các Linh mục” số 6 đã viết: “Các Linh Mục cũng **đừng quên** các tu sĩ nam nữ, vì họ là thành phần ưu tú trong nhà Chúa, họ **đáng được coi sóc đặc biệt để được tấn tới** trong hàng thiêng liêng hầu giúp ích cho toàn thể Giáo Hội”.

Thứ đến là bác ái. Qui luật cuộc sống bao giờ cũng đi theo chiều từ thấp đến cao, hơn nữa, con người là toàn thể tinh thần và thể xác, đôi khi có nhiều cách hành xử quá “*thiêng liêng*”, phần thưởng dành cho sự cộng tác toàn là lời hứa cầu nguyện mà quên đi phần xác của người cộng tác cần có sức để làm. Dĩ nhiên, phải tránh những lạm dụng, nhưng với mức độ nào sự giúp đỡ về mặt vật chất là vừa thì rất khó xác định. Chúa Giêsu ngay xưa đi rao giảng, Ngài ra tay ban ơn thể xác: chữa lành người bệnh, hóa bánh ra nhiều để người ta khỏi đói, nhưng không phải khi nào cũng vậy, mà có lúc Ngài đã bỏ đám đông đang tìm Ngài để đi chỗ khác (x. *Mc 1,35-39; Ga 6,22-27*). Cha xứ cũng thế, sự chừng mực khôn ngoan là ơn phải xin, là nhân đức cần phải tập thành từ việc biết quan sát, và tấm lòng luôn lưu tâm nghĩ đến người khác. Một chuyện tế nhị nên biết, đó là có những Tu Hội thánh hiến, cách riêng Tu Hội nữ, nhà trung ương không đủ sức “*bao cấp*” cho các cộng đoàn nhỏ phục vụ tại các Giáo xứ, nên chị em phải xoay sở kinh tế, nhất là làm công việc nhà trẻ để mưu sinh, từ đó có thể ảnh hưởng đến công việc phục vụ Giáo xứ trong các lãnh vực mục vụ, tông đồ, truyền giáo... Sự việc này dẫn đến trình trạng Cha xứ trách các nữ tu lo làm tiền; các nữ tu ầm ức... lâu dần bất hòa sẽ xảy ra. Lòng

bác ái, thánh Phalô đã nhắc: *“Trên hết mọi đức tính, anh em phải có lòng bác ái” (Cl 3,14).*

Cuối cùng, sự quảng đại là điều không thể thiếu. Giáo huấn của Hội Thánh dạy: *“Giám mục ân cần khuyên các Linh mục triều nhìn nhận, với lòng tri ân, sự đóng góp phong phú của các tu sĩ nam nữ cho Hội Thánh địa phương, và vui vẻ chấp nhận việc bổ nhiệm các tu sĩ vào những công tác có một mức độ rộng lớn hơn, hợp với ơn gọi và khả năng của họ”*.^[100]

Đối với các Tu Hội với lối sống theo ba lời khuyên Tin Mừng, sự từ bỏ, cách riêng là bỏ mình, phải là đặc nét trong nhân cách của người tu sĩ. Trong Tông thư *“Hong ân cứu chuộc”* số 10, Thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II viết: *“Định luật từ bỏ nằm trong chính bản chất ơn gọi làm Kitô hữu. Tuy vậy, một cách đặc biệt, nó thuộc về bản chất của ơn gọi liên kết với sự tuyên giữ những lời khuyên Phúc Âm”*. Có bỏ mình thì mới dễ xây dựng mối tương quan, vì tự bản chất, các hoạt động tông đồ, mục vụ, truyền giáo trong Giáo xứ, người tu sĩ phải lệ thuộc Cha xứ. Không có bỏ mình rất khó để vượt qua những bất đồng trong phương pháp thực thi, cách thức lượng giá, và những va chạm mà trong cuộc sống dù cố gắng mấy cũng có ít nhiều xảy ra.

Người tu sĩ phải luôn nhiệt thành cộng tác với Cha xứ như giáo huấn của Hội Thánh dạy: *“Các Bề trên Tu Hội với tính cách là người có trách nhiệm về Tu Hội của mình, hãy khuyến khích các tu sĩ tham gia vào đời sống Hội Thánh địa phương và am hiểu những chỉ thị và đường hướng của Hội Thánh địa phương”*.^[101] Trong sự cộng tác này, điều cốt yếu là: *“Những người tận hiến nên nhớ rằng, trước hết họ phải là những người có khả năng hướng dẫn đời sống thiêng*

liêng”.^[102] Do đó, hoa trái của tất cả lòng nhiệt thành tận tụy phục vụ của Tu Hội thánh hiến đem lại cho Giáo xứ dù được thấy qua những cuộc lễ đẹp, và qua những hoạt động phong phú khác, dù rất ngưỡng mộ, nhưng không dừng ở đó mà ở chỗ: có thêm những người “*biết*” Chúa. Bởi vì cộng đoàn những người thánh hiến “*tự bản chất của nó, kinh nghiệm về Thiên Chúa phải đạt được mức độ sung mãn và phải thông truyền cho kẻ khác*”.^[103]

Trong tương quan giữa Tu Hội thánh hiến với Giáo xứ, cộng đoàn giáo dân là đối tượng quan trọng. Người giáo dân cùng cộng tác với các tu sĩ, hoặc được đào tạo để trở thành cánh tay nối dài trong việc phục vụ. Mặt khác, người giáo dân có thể cùng tham gia vào đặc sủng của Tu Hội, trong phạm vi không ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống nội bộ của Tu Hội.^[104] Như thế, linh đạo cũng như đặc nét hoạt động tông đồ và sứ mạng của Tu Hội được nhân lên, khát mong nên thánh ngày càng phổ biến trên diện rộng. Nói chung đẹp biết chừng nào khi mối tương quan với giữa Tu Hội thánh hiến và giáo dân trong Giáo xứ thấm đượm tình giao hảo, nói như thánh Giáo Hoàng Gioan Phaolô II: “*một chương mới, đầy hy vọng, đang được mở ra về những tương quan giữa những người tận hiến và giáo dân*”.^[105]

Trong một Giáo xứ, Cha xứ, các tu sĩ và giáo dân hiệp nhất một lòng chung tay xây dựng Giáo xứ, nhiệt tâm loan báo Tin Mừng thì chắc chắn xứ ấy sẽ đầy tràn niềm vui, và khi đó mong ước của chân phước Giáo Hoàng Phaolô VI sẽ trở thành hiện thực: “*Ước chi thế giới thời đại chúng ta... có thể nhận được Tin Mừng không phải từ người rao giảng buồn sầu và chán nản nhưng từ những tác viên Tin Mừng tỏa ấm nhiệt tình, vì trước đó đã nhận lấy niềm vui của Đức Kitô vào bản thân mình*”.^[106]